TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 32/2023/DS-PT Ngày 02-02-2023 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Anh Đào - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 01 và ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2022 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2022/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố TA, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 176/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Âu Thị T, sinh năm 1953; địa chỉ: số 51A, khu phố H, phường H1, thành phố TA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Văn B, sinh năm 1977; nơi thường trú: tổ 6, ấp 2, xã V, huyện G, tỉnh Long An; tạm trú: số 229A/3, khu phố L, phường A, thành phố TA, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền ngày 22/01/2022); có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Võ Quốc C, sinh năm 1981 và bà Lê Thị Phương T1, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: số 44/1, đường K, khu phố H2, phường A, thành phố TA, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần T2, sinh năm 1979; địa chỉ: số 727/34 P, tổ 10, khu phố 7, phường P1, thành phố M, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (hợp đồng ủy quyền ngày 08/4/2022); có mặt khi xét hỏi, vắng mặt khi tranh luận và tuyên án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Trung H3, sinh năm 1976; địa chỉ: số 51A, khu phố H, phường H1, thành phố TA, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Võ Quốc C, bà Lê Thị Phương T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Âu Thị T trình bày*:

Bị đơn ông Võ Quốc C, bà Lê Thị Phương T1 có quen biết với con trai của nguyên đơn tên Nguyễn Trung H3. Do cần tiền làm ăn nên vợ chồng ông C và bà T1 có vay của nguyên đơn bà T số tiền 500.000.000đồng. Việc vay nợ được thể hiện bằng "Giấy mượn nợ" đề ngày 05/3/2017. Khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi rõ về mức lãi suất và thời hạn trả nợ. Khi có nhu cầu lấy lại tiền, nguyên đơn đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả nợ. Vì vậy, yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn ông Võ Quốc C và bà Lê Thị Phương T1 phải trả số tiền đã vay là 500.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 05/3/2017 đến 05/3/2022 là 300.000.000 đồng, tổng cộng là 800.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày bổ sung như sau: Nguyên đơn đã nhiều lần gọi điện và trực tiếp đến nhà bị đơn đòi nợ nhưng bị đơn vẫn không trả nợ. Do đó, nguyên đơn đã có thông báo bằng văn bản đề ngày 24/4/2020 gửi qua bưu điện yêu cầu các bị đơn đến ngày 20/5/2020 phải trả tiền nhưng các bị đơn cũng không trả nợ. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc các bị đơn ông Võ Quốc C và bà Lê Thị Phương T1 phải trả số tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi 10%/tháng kể từ ngày 20/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/5/2022 là 97.900.000 đồng, tổng cộng là 597.900.000 đồng.

- Rút yêu cầu giải quyết đối với khoản tiền lãi là 202.100.000 đồng.

** Bị đơn ông Võ Quốc C và bà Lê Thị Phương T1 trình bày*:

Không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì lý do như sau: Ông C, bà T1 thừa nhận có ký, ghi rõ họ tên vào "Giấy mượn nợ" đề ngày 05/3/2017 mà nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án nhưng thực tế các bị đơn không vay tiền của nguyên đơn. Vào năm 2014, các bị đơn vay số tiền 500.000.000 đồng của ông Nguyễn Trung H3 là con trai của nguyên đơn bà Âu Thị T. Sau đó ông Nguyễn Trung H3 lấy lại số tiền 50.000.000 đồng. Như vậy, các bị đơn chỉ vay số tiền 450.000.000 đồng của ông Nguyễn Trung H3. Về lãi suất thỏa thuận là 8%/tháng, nếu các bị đơn không trả lãi đúng hạn thì ông Nguyễn Trung H3 tính lãi là 10%/tháng. Tuy nhiên, sau đó ông Nguyễn Trung H3 ép các bị đơn ký vào "Giấy mượn nợ" đề ngày 14/02/2017 với nội dung các bị đơn có vay của ông Nguyễn Trung H3 số tiền 900.000.000 đồng. Ngoài ra, ông H3 còn ép các bị đơn ký vào "Giấy mượn nợ" đề ngày 05/3/2017 với nội dung các bị đơn có vay của bà Âu Thị T số tiền 500.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của các bị đơn, trình bày không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì lý do như sau:

Tại "Giấy mượn nợ" đề ngày 05/3/2017 mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án không xác định rõ anh H3 cũng như mẹ anh H3 là ai. Do đó, không có căn cứ xác định mẹ anh H3 có phải là nguyên đơn trong vụ án hay không. Vì vậy, không đủ cơ sở xác định các bị đơn ông Võ Quốc C và bà Lê Thị Phương T1 vay nợ của nguyên đơn.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung H3 trình bày*:

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không đồng ý với ý kiến trình bày nêu trên của các bị đơn vì lý do như sau: Do là bạn bè với nhau cho nên từ năm 2009 nhiều lần các bị đơn vay tiền của ông H3 nhưng đã trả nợ. Năm 2017 các bị đơn tiếp tục vay của ông H3 số tiền 900.000.000 đồng. Nguồn gốc số tiền này là do bà Âu Thị T vay ngân hàng sau đó ông H3 đưa cho các bị đơn vay. Việc vay nợ được thể hiện tại "Giấy mượn nợ" đề ngày 14/02/2017 có chữ ký của bị đơn bà Lê Thị Phương T1. Ngoài ra, các bị đơn còn nhờ ông H3 nói giúp để vay của bà Âu Thị T 500.000.000 đồng. Việc vay nợ giữa các bị đơn và bà Âu Thị T thể hiện tại Giấy mượn nợ đề ngày 05/3/2017.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2022/DS-ST ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TA, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Đình chỉ giải quyết đối với khoản tiền lãi 202.100.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu một trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Âu Thị T đối với các bị đơn ông Võ Quốc C và bà Lê Thị Phương T1 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

3. Buộc các bị đơn ông Võ Quốc C và bà Lê Thị Phương T1 phải liên đới thanh toán trả cho nguyên đơn bà Âu Thị T số tiền 597.900.000 đồng (năm trăm chín mươi bảy triệu chín trăm nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/5/2022 bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên khởi kiện; bị đơn giữ nguyên kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: bị đơn kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lưu Văn B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung H3 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo quy định.

Đối với người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Quốc C, bà Lê Thị Phương T1 là ông Trần T2 có mặt tham gia phiên tòa ngày 28/9/2022. Tại phiên tòa này ông Trần T2 trình bày "phiên tòa mở không đúng giờ theo giấy triệu tập nên không đủ sức khỏe để tiếp tục tham gia phiên tòa". Hội đồng xét xử đã hội ý thảo luận và quyết định tạm ngừng phiên tòa để đảm bảo sức khỏe cho đương sự, và phiên tòa được mở lại lúc 16 giờ ngày 29/9/2022. Tòa án đã tống đạt Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 53/2022/QĐPT-DS ngày 28/9/2022 và giấy triệu tập phiên tòa lúc 16 giờ ngày 29/9/2022 cho ông Trần T2. Lúc 09 giờ 35 phút, ngày 29/9/2022 ông Trần T2 gửi đơn đề nghị Tòa án hoãn phiên tòa nêu trên, trong đơn ông T2 đề nghị giám định chữ ký, chữ viết có phải của ông Võ Quốc C, bà Lê Thị Phương T1 tại "Giấy mượn nợ" ngày 05/3/2017 là chứng cứ do nguyên đơn cung cấp hay không.

Ngày 29/9/2022, Tòa án quyết định hoãn phiên tòa theo yêu cầu của ông Trần T2 để tiến hành các thủ tục giám định. Ngày 30/9/2022, Tòa án ban hành Thông báo nộp tài liệu giám định và Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí giám định vào lúc 08 giờ ngày 10/11/2022 đối với ông T2 là người đại diện của bị đơn. Ông T2 đã nhận Thông báo nộp tài liệu giám định và Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí giám định trên nhưng ông T2 không nộp tài liệu giám định và tạm ứng chi phí giám định mà lại khiếu nại hành vi của Thẩm phán, cho rằng Thẩm phán ban hành Thông báo nộp tài liệu giám định và Thông báo nộp tiền tạm ứng chi phí giám định vào cùng thời gian Tòa án xét xử là không đúng. Việc khiếu nại của ông T2 đã được Lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết tại Quyết định số 295/QĐ-TA ngày 18/11/2022 (không chấp nhận khiếu nại của ông Trần T2 đối với Thẩm phán Nguyễn Văn Tài). Ông T2 tiếp tục khiếu nại Quyết định số 295/QD-TA ngày 18/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương lên Tòa án cấp trên giải quyết khiếu nại lần 2. Ngày 06/01/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 02/2023/QĐ-GQKN về việc giải quyết khiếu nại của ông T2 có nội dung "không chấp nhận khiếu nại của ông Trần T2 đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 295/QĐ-TA ngày 18/11/2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương". Do đó, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay (ngày 02/02/2023), ông T2 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông C, bà T1 trình bày: Ông T2 đã nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của Tòa án cấp cao nên "yêu cầu Tòa án ngừng phiên tòa để ông T2 nộp tiền tạm ứng chi phí giám định", Hội đồng xét xử giải thích "Tòa án đã giao ông T2 Thông báo nộp tài liệu giám định và Thông báo nộp tiền tạm ứng

chi phí giám định vào lúc 08 giờ ngày 10/11/2022 nhưng ông không nộp là đã hết thời hạn yêu cầu giám định, nay ông yêu cầu tiếp tục giám định thì phải nộp lại đơn yêu cầu để Hội đồng xét xử xem xét". Tuy nhiên ông T2 trình bày "yêu cầu Tòa án ngừng phiên tòa để ông T2 nộp tiền tạm ứng chi phí giám định chứ không đồng ý làm lại đơn yêu cầu giám định". Hội đồng xét xử yêu cầu đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến về việc ông T2 "yêu cầu Tòa án ngừng phiên tòa để ông T2 nộp tiền tạm ứng chi phí giám định, chứ không đồng ý làm lại đơn yêu cầu giám định". Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, trình bày yêu cầu của ông T2 thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định.

Hội đồng xét xử thảo luận, hội ý tại phòng nghị án. Sau khi thảo luận, hội ý Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử nhằm làm rõ nội dung vụ án để có căn cứ cần thiết giám định hay không và khi nghị án sẽ quyết định giám định hay không.

Hội đồng xét xử trở lại phòng xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa giải thích nội dung thảo luận nêu trên và tiếp tục xét xử tại phần hỏi (do nguyên đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử hỏi bị đơn). Khi Chủ tọa phiên tòa hỏi thì ông T2 không trả lời câu hỏi mà yêu cầu ngừng phiên tòa rồi đứng dậy rời khỏi phòng xử án (rời khỏi phiên tòa).

Mặc dù ông T2 là người đại diện của bị đơn rời khỏi phòng xử án (rời khỏi phiên tòa), phiên tòa vẫn tiếp tục xét xử thực hiện theo đúng thủ tục tố tụng. Việc ông T2 tự ý rời khỏi phiên tòa là tự mình từ bỏ quyền chứng minh để bảo vệ quyền lợi cho bị đơn ông C, bà T1.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn.

Bà Âu Thị T khởi kiện ông Võ Quốc C và bà Lê Thị Phương T1 yêu cầu trả số tiền vay 500.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng tính từ ngày 05/3/2017 đến ngày 05/3/2022 là 300.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/5/2022, nguyên đơn bà T rút một phần yêu cầu về tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà T đối với ông C và bà T1 về một phần tiền lãi là đúng quy định của pháp luật.

Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm ông Võ Quốc C và bà Lê Thị Phương T1 trình bày "lập giấy vay tiền thì ông H3 bảo ghi tên người cho vay là bà Âu Thị T nên vợ chồng chúng tôi ghi theo yêu cầu của ông H3" (bút lục 56), tại biên bản đối chất (bút lục 61), biên bản hòa giải (bút lục 65) ông C, bà T thừa nhận chữ ký, ghi rõ họ tên của ông C, bà T1 tại "Giấy mượn nợ" ngày 05/3/2017. Sự thừa nhận của ông C, bà T1 là tình tiết, sự kiện không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về giao dịch vay (mượn) tiền giữa nguyên đơn và bị đơn được thể hiện tại tài liệu do nguyên đơn cung cấp (bút lục 09), bà Lê Thị Phương T1 và ông Võ Quốc C lập và ký, ghi họ tên của mình vào tờ "Giấy mượn nợ" lập ngày 05/3/2017, có nội dung: *"Vợ chồng tôi là Võ Quốc C và Lê Thị Phương T1, hiện ngụ tại 44/1, K, H2, A, huyện TA, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng tôi có mượn của*

mẹ anh H3 số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng chẵn). Chúng tôi cam kết sẽ hoàn trả số tiền trên khi bác có nhu cầu lấy lại”.

Bà T1 và ông C thừa nhận chữ ký, chữ viết Võ Quốc C, Lê Thị Phương T1 tại “Giấy mượn nợ” đề ngày 05/3/2017 do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án đúng là của bà T1, ông C. Bà T1, ông C cho rằng năm 2014, bà T1, ông C vay của ông Nguyễn Trung H3 (ông H3 là con của bà T) 500.000.000 đồng chứ không vay tiền của bà T. Do chưa có tiền trả nên ông H3 ép buộc ông C, bà T1 phải ký vào “Giấy mượn nợ” ngày 05/3/2017, với nội dung ông C, bà T1 có vay của mẹ anh H3 500.000.000 đồng và buộc ký tên vào “Giấy mượn nợ” đề ngày 14/02/2017, với nội dung bà T1, ông C vay của ông Nguyễn Trung H3 900.000.000 đồng; ông H3 còn có hành vi cho vay nặng lãi. Tuy nhiên bà T1, ông C không có chứng cứ chứng minh ông H3 có các hành vi ép buộc bà T1, ông C ký tên vào giấy mượn nợ nêu trên nên không có căn cứ xem xét.

Ngoài ra, người đại diện hợp pháp của các bị đơn cho rằng “Giấy mượn nợ” ngày 05/3/2017, ghi nội dung bà T1, ông C vay tiền của mẹ anh H3 chứ không ghi rõ tên bà Âu Thị T nên chưa đủ căn cứ xác định bà T1, ông C vay tiền của bà T. Tòa án nhận thấy “Giấy mượn nợ” lập ngày 05/3/2017 do bà T1, ông C xác nhận là chữ ký, chữ viết họ tên của mình, “Giấy mượn nợ” này chỉ do nguyên đơn bà T là người giữ bản chính nộp kèm theo khởi kiện. Bà T1, ông C không có chứng cứ chứng minh “Giấy mượn nợ” lập ngày 05/3/2017 là khoản nợ của người khác. Ngoài ra tại Trích lục khai sinh số 1986/TLKS-BS ngày 08/8/2018 của Ủy ban nhân dân Q, Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định ông Nguyễn Trung H3 là con của bà Âu Thị T và ông Nguyễn Văn Lắc. Đồng thời, tại các tài liệu do bà T1, ông C giao nộp gồm *“Giấy xin trả nợ cho ông Nguyễn Trung H3 và bà Âu Thị T”* đề ngày 24/5/2021 (bút lục số 51) và *“Tờ trình”* đề ngày 16/11/2021 (bút lục số 54, 55, 56) đều thể hiện nội dung ông Võ Quốc C và bà Lê Thị Phương T1 có vay nợ và đồng ý trả nợ cho bà Âu Thị T và ông Nguyễn Trung H3 700.000.000 đồng, nhưng đề nghị được trả nhiều lần, mỗi tháng 20.000.000 đồng.

Như vậy, đủ căn cứ xác định bị đơn ông Võ Quốc C, bà Lê Thị Phương T1 đã vay của nguyên đơn bà Âu Thị T 500.000.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T1, ông C phải trả cho nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 20/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 97.900.000 đồng, tổng cộng là 597.900.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Với những tài liệu, chứng cứ thu thập tại hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết giám định chữ viết, chữ ký tại “Giấy mượn nợ” lập ngày 05/3/2017 có phải của bà T1, ông C hay không.

[4] Tại cấp phúc thẩm, người kháng cáo không có tài liệu chứng cứ gì khác làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị đơn.

[5] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 48, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Phương T1 và ông Võ Quốc C.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2022/DS-ST ngày 12/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố TA, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí phúc thẩm: Bà Lê Thị Phương T1 và ông Võ Quốc C mỗi người phải chịu 300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0002526 ngày 23/5/2022 và số tiền 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0002527 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TA, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nguyễn Trung Dũng **Nguyễn Thị Duyên Hằng**

THẨM PHÁN
- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố TA;
- TAND thành phố TA;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính, Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TX Dĩ An;
- TAND TX Dĩ An;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Hoài Trí Ngô Thị Bích Diệp **Nguyễn Văn Tài**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS TP M;
- TAND TP M;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: HS, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tài